

Đơn vị tính: đồng/học sinh/tháng

Lớp, cấp học	Mức thu ở vùng thành phố, thị xã, khu công nghiệp	Mức thu ở nông thôn đồng bằng, trung du và thị trấn các huyện	Mức thu ở vùng nông thôn miền núi
Lớp 6	20.000	10.000	8.000
Lớp 7	20.000	10.000	8.000
Lớp 8	20.000	10.000	8.000
Lớp 9	20.000	10.000	8.000
Lớp 10	35.000	25.000	15.000
Lớp 11	35.000	25.000	15.000
Lớp 12	35.000	25.000	15.000
Nhà trẻ bán trú	60.000	20.000	15.000
Nhà trẻ không bán trú	40.000	15.000	12.000
Mẫu giáo bán trú	50.000	20.000	15.000
Mẫu giáo không bán trú	30.000	15.000	12.000

Riêng trường THPT Chuyên Hùng Vương, mức thu như sau:

- Lớp 10: 60.000 đồng/học sinh/tháng
- Lớp 11: 65.000 đồng/học sinh/tháng
- Lớp 12: 70.000 đồng/học sinh/tháng

2. Mức thu học phí học nghề phổ thông trong các trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông, Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - Hướng nghiệp, Trung tâm Giáo dục thường xuyên:

Tiền học phí được thu theo những tháng thực học (trong đó bao gồm cả lệ phí thi chứng nhận nghề), cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng/học sinh/tháng

STT	Diễn giải	Mức thu
1	Vùng thành phố, thị xã, khu công nghiệp	15.000
2	Vùng nông thôn đồng bằng, trung du và thị trấn của các huyện	15.000
3	Vùng nông thôn miền núi	15.000

3. Thu học phí đối với cơ sở đào tạo, dạy nghề:

Đối với các cơ sở đào tạo, dạy nghề công lập thuộc tỉnh quản lý bao gồm: Các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm ngoại ngữ - tin học, trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp, cơ sở dạy nghề...), tiền học phí được thu 10 tháng trong một năm học với mức thu như sau:

- Dạy nghề: Mức thu: **120.000** đồng/ học sinh/ tháng
- Trung học chuyên nghiệp: Mức thu: **100.000** đồng/ học sinh/ tháng
- Cao đẳng: Mức thu: **150.000** đồng/ học sinh/ tháng
- Đại học: Mức thu: **180.000** đồng/ học sinh/ tháng

II - MỨC THU HỌC PHÍ Ở CÁC TRƯỜNG, LỚP MÀM NON BÁN CÔNG; TRƯỜNG, LỚP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG BÁN CÔNG, CÁC LỚP BỔ TÚC VĂN HOÁ THPT:

1. Học phí:

Đối với các trường, lớp Mầm non bán công; trường, lớp Trung học phổ thông bán công và các lớp học Bổ túc văn hoá THPT, tiền học phí được thu 9 tháng trong một năm học, với mức thu mỗi tháng như sau:

Đơn vị tính: đồng/học sinh/tháng

Lớp, cấp học	Mức thu ở vùng thành phố, thị xã, khu công nghiệp	Mức thu ở nông thôn đồng bằng, trung du và thị trấn các huyện	Mức thu ở vùng nông thôn miền núi
Lớp 10	80.000	60.000	40.000
Lớp 11	90.000	70.000	50.000
Lớp 12	100.000	80.000	60.000
Nhà trẻ bán trú	80.000	70.000	50.000

Nhà trẻ không bán trú	50.000	40.000	30.000
Mẫu giáo bán trú	70.000	60.000	40.000
Mẫu giáo không bán trú	40.000	30.000	25.000

2. Mức thu học phí học nghề phổ thông ở các trường Trung học phổ thông bán công:

Đơn vị tính: đồng/học sinh/tháng

STT	Diễn giải	Mức thu	Ghi chú
1	Vùng thành phố, thị xã, khu công nghiệp	15.000	
2	Vùng nông thôn đồng bằng, trung du và thị trấn của các huyện	15.000	
3	Vùng nông thôn miền núi	15.000	

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

- Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này; căn cứ vào qui định của Chính phủ qui định vùng miền áp dụng để thu học phí; tổ chức hướng dẫn thực hiện việc thu, quản lý và sử dụng học phí của các cơ sở giáo dục và đào tạo, dạy nghề trong hệ thống giáo dục quốc dân thuộc tỉnh Phú Thọ được quy định tại nghị quyết này.

- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVI, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2006; có hiệu lực từ ngày 01 tháng 1 năm 2007; thay thế Nghị quyết số 23/1999/NQ-HĐNDKXIV ngày 21 tháng 1 năm 1999 của Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XIV về Quy định mức thu tiền học phí ở các cơ sở giáo dục đào tạo công lập và ngoài công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

CHỦ TỊCH

Ngô Đức Vượng (đã ký)